

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI

Môn: Ngữ văn 8; tổng số tiết: 18 (trong đó có: 14 tiết đọc, viết, nói và nghe + 4 tiết: ôn tập, kiểm tra giữa học kì I, trả bài kiểm tra giữa học kì I); (Từ tiết 25 ->42)

TUẦN 9

TIẾT PPCT: 33 và 37, 38

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh chọn được vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với cộng đồng, đất nước để bàn luận; trình bày rõ các khía cạnh của vấn đề và ý kiến cá nhân, thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước.

- Học sinh viết được bài văn nghị luận có luận đề, từ luận đề triển khai thành các luận điểm, mỗi luận điểm thể hiện trong ít nhất một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Biết yêu thương, đoàn kết và có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế cho học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề, cá nhân.

c. Sản phẩm: Kết quả nội dung bài học để đánh giá hoạt động học của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Theo em, chúng ta cần làm gì để thể hiện được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đối với đất nước và xã hội?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, phương pháp thuyết trình, trao đổi, chia sẻ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho 1 vài HS chia sẻ những trải nghiệm của bản thân với bạn bè và thầy cô. GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét, góp ý nội dung chia sẻ cùng bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>- HS chia sẻ chia sẻ những trải nghiệm của bản thân với bạn bè và thầy cô.</p> <p><i>Giới thiệu bài học:</i> Mỗi cá nhân bao giờ cũng có mối quan hệ với cộng đồng, đất nước. Qua những vấn đề cụ thể của đời sống xã hội, mối quan hệ này càng được thể hiện rõ ràng. Thế nhưng, trước một vấn đề, nhận thức của mọi người thường có những điểm khác nhau. Vì thế, bàn luận một cách thấu đáo về một vấn đề nào đó, giúp người đọc thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước là điều rất cần thiết. Bài học hôm nay Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước) thầy (cô) cùng các em đi tìm hiểu nhé!</p>

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)

a. Mục tiêu: Học sinh bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, cá nhân, gợi mở, nêu vấn đề.

c. Sản phẩm học tập: Sử dụng phiếu học tập để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Theo em, vấn đề được nêu ra để bàn luận phải có ý nghĩa như thế nào? Ý kiến của người viết về vấn đề bàn luận đó cần phải có những nhận thức gì?</p> <p>GV2: Khi làm bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước) cần đáp ứng những yêu cầu nào?</p>	<p>1. Yêu cầu đối với viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)</p>

<p>Bước 2: Thiện hiện nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước) SGK tr 71. Cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp (1-1), gợi mở tái hiện kiến thức nền từ tiết học trước. GV hỗ trợ HS khi cần sự trợ giúp, phân tích vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 vài HS trả lời 2 câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)</p>	<p>→ Vấn đề được nêu ra để bàn luận phải có ý nghĩa xã hội, liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của nhiều người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến của người viết về vấn đề trước hết thuộc nhận thức của cá nhân, nhưng ý kiến đó phải phù hợp với thực tế cuộc sống và hướng tới lẽ phải, chân lí. Bằng chứng nêu ra phải xác thực, phổ biến, được thừa nhận rộng rãi. → Yêu cầu đối với viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước) là: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến. - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết. - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.
--	---

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- a. **Mục tiêu:** Từ việc phân tích bài viết tham khảo, cần nắm được cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích, gợi mở, thảo luận nhóm.
- c. **Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc bài viết tham khảo Hiểu biết về lịch sử (SGK tr 71, 72) GV1: Trong bài văn gồm có 3 phần. Phần Mở bài nêu vấn đề gì để bàn luận? GV2: Phần Thân bài triển khai những luận điểm nào?</p>	<p>2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo Vài văn: Hiểu biết về lịch sử</p>

<p>GV3: Phân Kết bài khẳng định điều gì? (GV sử dụng phiếu học tập số 1)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS đọc thành tiếng, đọc nối tiếp 2 lần bài viết tham khảo SGK tr 71, 72. GV chia lớp làm 6 nhóm để trả lời 3 câu hỏi (phát phiếu học tập số 1 cho 6 nhóm), thời gian từ 6 -> 7 phút. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, làm việc cá nhân, hỏi đáp, nêu vấn đề, phân tích, gợi mở cho HS hình thành kiến thức mới.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 HS đọc 2 lần bài viết tham khảo. GV gọi 1 vài HS nhận xét đọc bài viết tham khảo, góp ý cách đọc bài của bạn. GV gọi 3 -> 6 HS trả lời lần lượt các câu hỏi theo yêu cầu (dựa trên kết quả phiếu học tập). GV gọi 1 vài HS các nhóm khác nhận xét, nội dung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)</p>	<p>→ Mở bài nêu sự cần thiết của hiểu biết về lịch sử. → Thân bài các luận điểm đã được triển khai: - Kiến thức lịch sử cho ta biết được truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước vẻ vang của tổ tiên. (Lí lẽ và bằng chứng) - Hiểu biết về lịch sử đem lại cho ta bài học về lòng yêu nước, tự hào dân tộc, đồng thời giúp ta rút ra từ quá khứ những kinh nghiệm quý báu để giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện tại. (Lí lẽ và bằng chứng) - Hiện nay, có một bộ phận HS không thích học môn Lịch sử và thiếu hiểu biết về truyền thống của dân tộc, điều này dẫn đến những hệ quả tiêu cực. (Lí lẽ và bằng chứng) → Kết bài khẳng định: Nhắc lại sự cần thiết của việc hiểu biết về lịch sử đất nước, khơi gợi thái độ cần có ở mỗi người và nêu cách thức hành động.</p>
---	---

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

- a. **Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn theo các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong môi quan hệ với cộng đồng, đất nước).
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề, phân tích, tổng hợp.
- c. **Sản phẩm học tập:** Sử dụng phiếu học tập để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Em hãy xác định mục đích viết bài và người đọc là gì? GV2: Trước khi viết, em cần phải lựa chọn đề tài nào để nghị luận về một vấn</p>	<p>3. Thực hành viết theo các bước 3.1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài</p>

đề đời sống con người trong quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước? Em cần phải huy động vốn hiểu biết của mình như thế nào để nêu ra một số vấn đề để suy nghĩ, lựa chọn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi 1, trao đổi cặp đôi để làm câu hỏi 2, thời gian 3 -> 4 phút..

GV bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời cá nhân câu hỏi 1.

GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả thảo luận.

GV gọi 1 vài HS cặp đôi khác lên nhận xét, bổ sung nội dung của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

Nhiệm vụ 2

Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Hãy tìm ý cho đề bài: Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước. *(Vấn đề có tầm quan trọng như thế nào? Vấn đề có những khía cạnh cơ bản gì? Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để làm rõ từng khía cạnh đó? Cần có hành động như thế nào sau khi nhận thức về*

→ Mục đích viết: Làm rõ quan hệ giữa con người với cộng đồng, đất nước, từ đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với công việc chung.

- Người đọc: Những người quan tâm đến vấn đề trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng, đất nước.

→ Trước khi viết, cần phải lựa chọn đề tài nghị luận về một vấn đề con người trong quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước.

- Huy động vốn hiểu biết của bản thân qua môn học Ngữ văn và các môn học khác, qua sách báo và các phương tiện truyền thông, nêu ra một số vấn đề để suy nghĩ, lựa chọn.

- Có thể tham khảo các đề tài sau:

+ Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện.

+ Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

+ Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em.

+ Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống.

+ Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước.

b. Tìm ý

vấn đề?)

(GV sử dụng phiếu học tập số 2)

GV2: Em hãy lập dàn ý cho đề bài: Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước. (gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc nhóm, chia lớp làm 6 nhóm, nhóm 1, 2, 3 hoàn thành câu hỏi 1, nhóm 4, 5, 6 hoàn thành câu hỏi 2 (Cho HS sử dụng phiếu học tập), thời gian từ 5 -> 6 phút. GV bao quát lớp, đi hỗ trợ các nhóm, sử dụng phương pháp gợi mở, phân tích, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS nhóm 1, 2 báo cáo bài tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

GV gọi 1 vài HS nhóm 3 nhận xét, nội dung phần tìm ý cho bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS nhóm 4, 5 báo cáo bài lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

GV gọi 1 vài HS nhóm 6 nhận xét, nội dung phần lập dàn ý cho bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Cho đề bài viết: Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

→ Phải nêu được vấn đề và xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đó đối với đời sống xã hội, cộng đồng, đất nước. Vai trò của việc nhận thức được trách nhiệm của mình với quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng.

- Mỗi khía cạnh của vấn đề được nêu ra tương ứng với một luận điểm (ý) cần triển khai.

+ Ý 1: Giải thích thế nào là trách nhiệm?

+ Ý 2: Nêu lên trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trước đất nước, dân tộc.

+ Ý 3: Nêu ý nghĩa của trách nhiệm.

+ Ý 4: Liên hệ bản thân.

- Văn bản nghị luận hướng người đọc đi từ nhận thức đến hành động.

c. Lập dàn ý

- **Mở bài:** Nêu vấn đề đời sống và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó.

- **Thân bài:** Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc.

+ Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng)

+ Liên hệ, mở rộng vấn đề? (Lí lẽ, bằng chứng)

- **Kết bài:** Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.

3.2. Viết bài

GV cho HS viết bài theo hình thức cá nhân (thời gian từ 40 -> 45 phút). GV theo dõi HS viết bài.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

HS viết bài xong GV cho HS trao đổi theo cặp đôi chuẩn bị sang bước chỉnh sửa bài viết.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá thời gian viết bài của HS.

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS trao đổi bài viết với nhau tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu để khắc phục sửa chữa cho nhau (nội dung, cách diễn đạt, hình thức, chính tả...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS trao đổi bài viết theo cặp đôi để sửa bài (thời gian từ 7 -> 8 phút). Dựa vào nội dung trong bảng chỉnh sửa bài viết. (SGK tr 75).

GV đi hỗ trợ HS khi cần sự trợ giúp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 4 -> 5 HS báo cáo phần sửa bài của bạn .

GV không nêu cụ thể tên HS để khen/chê trước lớp. Dùng những lời nhận xét động viên, khích lệ để HS có hướng phát triển, rút kinh nghiệm cho bài viết lần sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. (GV thu bài viết về nhà đánh giá, nhận xét bài làm của HS, có thể cho điểm vào bài làm để lưu vào hồ sơ học tập, đánh giá theo hướng dẫn TT22/2021/BGDĐT ngày 20/7/2021.)

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV trả bài cho HS và hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu đề bài: Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước. (Sử dụng phiếu chỉnh

→GV thu bài viết của HS.

3.3. Chỉnh sửa bài viết

→HS có kĩ năng trình bày kết quả sửa bài của bạn.

3.4. Trả bài

<p>sửa bài viết cho bạn sau khi GV chỉ ra những lỗi cần chỉnh sửa) GV cho HS dựa vào bảng gợi ý chỉnh sửa bài viết SGK tr 75</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV trả bài cho HS, làm việc cá nhân tự chỉnh sửa theo hướng dẫn, sau đó trao đổi bài viết theo cặp đôi ngồi cùng bàn học. Thời gian từ 2 -> 3 phút. GV đi bao lớp, theo dõi HS làm việc.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho 1 vài HS nhận xét những ưu điểm, tồn tại cần chỉnh sửa của bạn. GV chọn một số bài viết của HS để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. <i>Lưu ý GV không nên nêu cụ thể tên HS để khen/chê trước lớp.</i></p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<p>→GV nhận xét, đánh giá bài viết để rút kinh nghiệm.</p>
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/cá nhân: Lớp 8

Nhiệm vụ	Nội dung	Đánh giá		
		CĐ	Đ	T
Phần Mở bài nêu vấn đề gì để bàn luận?			
Phần Thân bài triển khai những luận điểm nào?			

			
Phân Kết bài khẳng định điều gì?			
TỔNG CỘNG				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (TÌM Ý)

Nhóm/cá nhân: Lớp 8

Yêu cầu: Hãy tìm ý cho đề bài: Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước.

Yêu cầu	Nội dung	Đánh giá		
		CD	Đ	T
Vấn đề có tầm quan trọng như thế nào?			
Vấn đề có những khía cạnh cơ bản gì?			
Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để làm rõ từng			

khía cạnh đó?			
Cần có hành động như thế nào sau khi nhận thức về vấn đề?			
TỔNG CỘNG				

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** Tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, làm việc cá nhân.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của học sinh để đánh giá hoạt động học tập.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: Tắt bớt thiết bị điện “Giờ Trái đất” cũng là một cách thể hiện trách nhiệm với cộng đồng.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết bài văn Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: Tắt bớt thiết bị điện “Giờ Trái đất” cũng là một cách thể hiện trách nhiệm với cộng đồng. Thời gian viết bài từ 30 -> 35 phút. GV gợi mở cho HS tìm ý cho phù hợp, bao quát lớp khi HS viết bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS lên đọc bài viết Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: Tắt bớt thiết bị điện “Giờ Trái đất” cũng là một cách thể hiện trách nhiệm với cộng đồng. GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét, bổ sung nội dung của bạn còn thiếu.</p>	<p>4. Luyện tập</p> <p>→Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vì sao “Giờ Trái Đất” trở thành sự kiện diễn ra trên khắp thế giới. + Tắt bớt thiết bị điện trong “Giờ Trái Đất” đưa đến những lợi ích cụ thể gì cho cộng đồng? + Ý nghĩa sâu xa của sự kiện “Giờ Trái Đất” diễn ra hằng năm là gì? + Mỗi cá nhân cần thể hiện trách nhiệm như thế nào trong việc hưởng ứng sự kiện “Giờ Trái Đất”? - Cần triển khai các ý nhỏ trên đây theo trật tự hợp lí để có bài văn hoàn chỉnh. <p>→HS đọc bài viết trước lớp. - GV có thể chọn 1 -> 2 bài viết tiêu biểu</p>

Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	cho HS đọc trước lớp, học hỏi, rút kinh nghiệm.
---	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Nếu hết thời gian GV cho HS về nhà làm bài tập)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết bài kết nối với phần thực hành Nói và nghe (Tiết 39 – SGK tr 75, 76).

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích tổng hợp, nêu vấn đề.

c. Sản phẩm học tập: Nội dung bài viết đánh giá hoạt động học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Lòng yêu nước có thể biểu hiện ở những hành động bình thường, giản dị nhất. Hãy trình bày suy nghĩ của em về nhận định trên.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống, thời gian viết bài từ 30 -> 35 phút. GV gọi mở cho HS tìm đề tài viết cho phù hợp, bao quát lớp khi HS viết bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS lên đọc bài viết. GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét, bổ sung nội của bạn còn thiếu.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<p>5. Vận dụng Gợi ý: Thế nào là yêu nước? Vì sao việc thể hiện lòng yêu nước là trách nhiệm của mỗi cá nhân? Có phải ai cũng có thể làm được những việc to lớn để thể hiện lòng yêu nước. Việc bình thường, giản dị mà có ích cho quê hương, đất nước có cần thiết không? Có thể xem đó cũng là biểu hiện của lòng yêu nước không? - HS đọc bài viết trước lớp hoặc cho về nhà viết bài, tiết học sau nộp bài trên lớp. - GV có thể chọn 1 -> 2 bài viết tiêu biểu cho HS đọc trước lớp để học hỏi và rút kinh nghiệm.</p>

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài học và chuẩn bị tiết: **Ôn tập giữa học kì I.** (Xem lại bài 1, 2 và bài 3 nội dung phần đã học)

Lưu ý: GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị bài trước ở nhà phần: **Hoạt động 2;** tiết 34 **Ôn tập giữa học kì I.**

TIẾT PPCT: 34

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Hệ thống hoá được các kiến thức về loại, thể loại văn bản đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã học bài 1, 2 và bài 3 phần đã học trong học kì I.

- Vận dụng được các kiến thức đã học, kỹ năng đã rèn luyện để giải quyết các bài tập tổng hợp.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Yêu thương, đoàn kết, trung thực có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà nội dung ôn tập từ tuần 1 -> tuần 8.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8 tập một, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định nội dung ôn tập

1.1. Phần đọc hiểu

Nhận biết: Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. Nhận biết được biệt ngữ xã hội; từ ngữ địa phương; từ tượng hình, từ tượng thanh; biện pháp tu từ đảo ngữ; đoạn văn diễn dịch; đoạn văn quy nạp; đoạn văn song song; đoạn văn phối hợp..

Thông hiểu: Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.

Vận dụng: Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản. Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm.

1.2. Phần viết: Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa); Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).

1.3. Phần nói và nghe: Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử); Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại).

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề (Thực hành bài tập)

Câu 1: Em đã học các bài: **Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển** và 2 văn bản đọc **Lời sông núi**. Lập bảng hệ thống hóa thông tin về các văn bản đọc theo mẫu gợi ý sau:

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

Câu 2: Nêu những nét giống nhau và khác nhau về thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật.

Câu 3: Tóm tắt kiến thức tiếng Việt mà em đã học trong 3 bài: *Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển; Lời sông núi* theo mẫu sau:

Stt	Nội dung tiếng việt	Khái niệm cần nắm vững	Dạng bài tập thực hành
1			
2			
3			

Câu 4: Nêu các kiểu bài viết, yêu cầu của từng kiểu bài và đề tài đã thực hành trong 2 bài: *Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển* giữa học kì I.

Stt	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài	Đề tài đã thực hành viết
1			
2			
3			

Câu 5: Nêu những điểm chung trong việc thực hiện các bước của hoạt động nói và nghe ở 2 bài: *Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển* giữa học kì I.

3. Hoạt động 3: Luyện tập tổng hợp (vận dụng)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(SGK trang 125, 126, 127)

1. Đọc

a. **Đọc văn bản:** *Chiều hôm nhớ nhà*

b. **Thực hiện các yêu cầu** (6 câu hỏi trắc nghiệm và 5 câu hỏi thông hiểu và vận dụng)

2. Viết: Hãy viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) phân tích cảnh và tình trong bài thơ chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan.

3. Nói và nghe: Giữ gìn tiếng nói của cha ông phải chăng cũng là một cách thể hiện lòng yêu nước?

a. Chuẩn bị nội dung để thảo luận về đề tài trên.

b. Tập luyện thảo luận trên cơ sở các nội dung đã chuẩn bị.

HƯỚNG DẪN GIẢI NỘI DUNG ÔN TẬP

Câu 1: Các bài đã học: *Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển* và 2 văn bản đọc *Lời sông núi*. Lập bảng hệ thống hóa thông tin về các văn bản đọc sau:

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật
-----	---------	---------	----------	------------------

				Nghệ thuật	Nội dung
1	Lá cờ thù sáu chữ vàng	Nguyễn Huy Tưởng	Truyện lịch sử	thành công trong việc miêu tả bối cảnh, sự kiện lịch sử và tái hiện nhân vật lịch sử với những suy nghĩ, tâm trạng, ngôn ngữ,... rất riêng	đoạn trích Lá cờ thù sáu chữ vàng thể hiện tinh thần yêu nước, căm thù giặc của người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toàn
2	Thu điều	Nguyễn Khuyến	thơ thất ngôn bát cú Đường luật
2	Thiên Trường vãn vọng	Trần Nhân Tông	thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
3	Hịch tướng sĩ	Trần Quốc Tuấn	VB nghị luận
...

Câu 2: Những nét giống nhau và khác nhau về thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật là:

- Điểm giống nhau giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật:
 - + Cả hai thể thơ đều có nguồn gốc từ Trung Quốc, được du nhập vào Việt Nam.
 - + Cả hai thể thơ đều được gọi là thơ Đường luật, có quy tắc chặt chẽ.
- Những điểm khác nhau giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật:
 - + Bài thơ thất ngôn bát cú có 8 câu; bài thơ tứ tuyệt có 4 câu.
 - + Bài thơ thất ngôn bát cú có bố cục phổ biến: đề (câu 1 và 2); thực (câu 3 và 4); luận (câu 5 và 6); kết (câu 7 và 8). Bố cục của bài thơ tứ tuyệt: khởi (câu 1); thừa (câu 2); chuyển (câu 3); hợp (câu 4).
 - + Bài thơ thất ngôn bát cú có cặp câu thực và cặp câu luận đối nhau. Quy định này không đặt ra với bài thơ tứ tuyệt.

Câu 3: Tóm tắt kiến thức tiếng Việt mà em đã học trong 3 bài: *Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển; Lời sông núi* theo mẫu sau:

Stt	Nội dung tiếng việt	Khái niệm cần nắm vững	Dạng bài tập thực hành
1	Biệt ngữ xã hội	Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ âm.	Anh đây công từ không "vòm" Ngày mai "kén rệp" biết "mòm" vào đầu. (Nguyễn Hồng, Bỉ vỏ)

			Cuốn Bì vỏ (NXB Dân Trí 2011) chủ thích: vòm là nhà, kện rệp là hết gạo, mòm là ăn. Kện rệp và mòm có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, chưa gặp trong vốn từ chung của tiếng Việt. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ nghĩa.
2	Từ tượng hình và từ tượng thanh	<p>- Từ tượng hình là từ gọi tả dáng vẻ, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. Các từ tượng hình có giá trị gọi hình ảnh, có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên cụ thể sinh động.</p> <p>- Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của sự vật hoặc con người. Các từ tượng thanh có giá trị gọi âm thanh, có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên cụ thể sinh động.</p>	<p>Ví dụ: gập ghềnh, khẳng khiu, lom khom,...</p> <p><i>Trong làn nắng ửng, khói mơ tan</i> <i>Đôi mái nhà tranh lấm tẩm vàng.</i> (Hàn Mặc Tử, Mùa xuân chín)</p> <p>Từ lấm tẩm gọi hình ảnh những đốm nắng rải qua vòm cây, in trên những mái nhà tranh, gọi khung cảnh bình yên của buổi bình minh mùa xuân nơi làng quê</p> <p>Ví dụ: khúc khích, róc rách, tích tắc,...</p> <p><i>Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội</i> <i>Những phố dài xao xác hơi may.</i> (Nguyễn Đình Thi, <i>Đất nước</i>)</p> <p>- Từ xao xác gọi âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của tiếng lá và tiếng gió trong không gian im vắng, tĩnh lặng của một Hà Nội cổ kính, êm đềm.</p>
3	Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp	- Đoạn văn diễn dịch là đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển	Ví dụ: Xem lại bài 3; tuần 7; tiết 28.

		<p>khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.</p> <p>- Đoạn văn quy nạp là đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.</p>	
...

Câu 4: Nêu các kiểu bài viết, yêu cầu của từng kiểu bài và đề tài đã thực hành trong 2 bài: *Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển* giữa học kì I.

Stt	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài	Đề tài đã thực hành viết
1	viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)	Đối với bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa). SGK tr 28.	Liệt kê một số chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa mà mình đã từng tham gia, sau đó, chọn một chuyến đi đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất để kể lại.
2	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).	<p>- Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,...); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.</p> <p>- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.</p> <p>- Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử</p>	Gợi ý một số bài thơ: Thu điếu (Nguyễn Khuyến); Qua đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan); Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)...

		dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,...); ...) - Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
3

Câu 5: Những điểm chung trong việc thực hiện các bước của hoạt động nói và nghe ở 2 bài: *Câu chuyện của lịch sử; Vẻ đẹp cổ điển* giữa học kì I.

- Xác định mục đích nói và người nghe.
- Xác định nội dung nói và nghe của bài.
- Chuẩn bị nói và nghe (chọn đề tài, lập dàn ý).
- Trình bày bài nói.
- Trao đổi, rút kinh nghiệm về nói và nghe.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(SGK trang 125, 126, 127)

1. Đọc

a. Đọc văn bản: Khi đọc, HS cần ý thức được các khía cạnh nội dung và hình thức của văn bản, nhớ lại các kiến thức đã học ở bài 2. **Vẻ đẹp cổ điển** để chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

b. Thực hiện các yêu cầu: Chọn phương án đúng

Câu 1: Đáp án A. Bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 2: Đáp án C. Biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ không phải là yếu tố giúp ta nhận biết thể thơ của bài Chiều hôm nhớ nhà.

Câu 3: Đáp án C. Cặp câu 3 – 4 và 5 – 6.

Câu 4: Đáp án B. Các câu 1 – 2 – 4 – 6 – 8.

Câu 5: Đáp án C. Biện pháp tu từ đảo ngữ.

Câu 6: Đáp án B. Cảnh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt hoà điệu với nhau, cùng thể hiện nỗi niềm của nhà thơ.

• Trả lời câu hỏi

Câu 1. Để khẳng định Chiều hôm nhớ nhà là một bài thơ trữ tình, cần căn cứ vào những dấu hiệu sau:

- Nhan đề bài thơ.
- Cảnh vật in đậm dấu ấn tâm trạng của con người.
- Lời thổ lộ tâm tình ở hai câu kết của bài thơ.

Câu 2. Những hình ảnh trong bài thơ có tác dụng làm nổi bật nhan đề Chiều hôm nhớ nhà:

- Bóng hoàng hôn trên nền trời chiều.
- Những âm thanh báo hiệu một ngày tàn (tiếng tù và, tiếng trống đò).
- Sinh hoạt của con người vào thời điểm cuối ngày (người đánh cá và trẻ chăn trâu đều đang trên đường về nhà sau một ngày làm việc).
- Người đi trên đường xa đang nhớ về quê nhà, mong có người để chia sẻ nỗi niềm.

Câu 3. HS trả lời dựa vào cảm nhận của bản thân, tuy nhiên, cần bám sát một số hình ảnh, phân tích được giá trị biểu đạt của các hình ảnh đó.

- Cảnh thiên nhiên hiện ra vào thời điểm buổi chiều tà, không gian khoáng đạt nhưng đượm vẻ tiêu sơ, hoang vắng.

- Mọi sinh hoạt của con người cũng diễn ra vào thời điểm cuối ngày, nơi trở về là bên xa, thôn vắng. Đặc biệt, chủ thể trữ tình – hình ảnh trung tâm của bài thơ – đang bơ vơ trên đường xa vắng, trông về quê nhà với bao nhớ nhung.

Câu 4. GV cần giúp HS hiểu rằng, tâm trạng của chủ thể trữ tình (tác giả) được biểu hiện gián tiếp qua ngoại cảnh và giải bày trực tiếp qua lời thơ trữ tình. Hai cách biểu hiện đó đều tập trung làm rõ nỗi niềm cô quạnh, nhớ nhung của một “lữ khách” đang “bước dòn” trên những “dặm liễu” dưới “sương sa”.

Câu 5. Văn bản có nhiều chú thích, chủ yếu là chú thích nghĩa của từ ngữ Hán Việt. Mật độ dày đặc các từ ngữ Hán Việt là một đặc điểm nổi bật trong cách sử dụng từ ngữ của Bà Huyện Thanh Quan.

2. Viết: Phần Viết ở phiếu học tập này tương tự với nội dung viết của bài 2. GV gọi HS nhớ lại yêu cầu, cách thức, các bước thực hiện bài viết đối với một bài thơ trọn vẹn. GV nêu một số ý cần khai thác khi viết bài theo yêu cầu của đề:

- Cảnh và tình được gọi qua nhan đề bài thơ.

- Những hình ảnh nổi bật thể hiện cảnh thiên nhiên và cảnh sinh hoạt của con người trong 6 câu đầu của bài thơ; qua đó nhà thơ thể hiện tình cảm một cách kín đáo.

- Tình cảm được nhà thơ giải bày trực tiếp trong hai câu thơ cuối.

- Nhận xét về trạng thái tình cảm của tác giả trong bài thơ.

3. Nói và nghe

- GV yêu cầu tất cả HS về nhà chuẩn bị nội dung (tìm ý, lập dàn ý) cho đề tài đã nêu (làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm).

- GV hướng dẫn HS tập luyện theo nhóm để tăng khả năng tương tác và góp ý cho nhau ở các bước thực hiện

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài ôn tập giữa học kì I: **Chuẩn bị kiểm tra giữa học kì I.**

TIẾT PPCT: 35, 36

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

1. MỤC ĐÍCH

1.1. Năng lực: Kiểm tra, đánh giá mức độ yêu cầu cần đạt ở phần giữa học kì I chương trình Ngữ văn 8 với mục đích đánh giá năng lực đọc hiểu và viết của học sinh.

1.2. Phẩm chất: Đoàn kết, yêu thương, trung thực, chăm chỉ có ý thức tự giác trong học tập.

2. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp với tự luận

- Cách tổ chức kiểm tra: Học sinh làm bài kiểm tra trực tiếp

3. MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn lịch sử (đoạn trích) hoặc thơ Đường luật.	4	0	8	0	0	2	0		50
2	Viết	Kể lại một chuyện đi hoặc phân tích một tác phẩm văn học.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	50
Tổng			1.0	0.5	2,0	1.5	0	4.0	0	1.0	100
Tỉ lệ %			15%		35%		40%		10%		
Tỉ lệ chung			50%				50%				

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn lịch sử hoặc thơ Đường luật.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu. - Nhận biết được các biệt ngữ xã hội, từ địa phương, từ tượng hình, từ tượng thanh, đoạn văn diễn dịch và quy nạp. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. 	4 TN	8 TN	2 TL	

			<p>- Xác định được nghĩa của một số biệt ngữ xã hội, từ địa phương; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.</p> <p>- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.</p> <p>- Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tượng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm.</p>				
2	Viết	Kể lại một chuyến đi <i>hoặc</i> phân tích một tác phẩm văn học.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại một chuyến đi. Thể hiện được những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. Sử dụng hiệu quả yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản. <i>hoặc</i> Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.</p>	1*	1 *	1*	1TL*
Tổng				4 TN	8 TN	2 TL	1TL
Tỉ lệ%				15	35	40	10

Tỉ lệ chung			50%	50%
-------------	--	--	-----	-----

4. ĐỀ KIỂM TRA

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
TỔ NGŨ VĂN, LS&ĐL, GDCD

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: NGŨ VĂN 8
(Thời gian: 90 phút)

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Quốc Tuấn là con Yên Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: “[Người này] ngày sau có thể giúp nước cứu đời”. Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. Yên Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng, mang lòng hận hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn [...]

Ông lại khéo tiên cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: “Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi”. Quốc Tuấn trả lời: “[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng”. Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hề có tai nạn bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hề tráp đựng kiém có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn.

(Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... soạn thảo, Đại Việt sử kí toàn thư, Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam dịch, NXB Khoa Học Xã Hội)

Câu 1 (0.25 điểm): Đoạn văn trên có phương thức biểu đạt chính là:

- A. nghị luận
B. thuyết minh
C. miêu tả
D. tự sự

Câu 2 (0.25 điểm): Câu văn: *Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ.* Sử dụng biện pháp tu từ:

- A. so sánh
B. nhân hóa
C. ẩn dụ
D. nói quá

Câu 3 (0.25 điểm): Trong các từ ngữ sau từ nào là từ Hán Việt?

- A. anh hùng
B. đất nước
C. bệ hạ
D. giữ gìn

Câu 4 (0.25 điểm): Câu văn: *Quốc Tuấn là con Yên Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: “[Người này] ngày sau có thể giúp nước cứu đời”.* Sử dụng mấy số từ:

- A. một
B. hai
C. ba
D. bốn

Câu 5 (0.25 điểm): Câu văn nào dưới đây có sử dụng yếu tố kì ảo:

- A. Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi.
- B. Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiểm có.
- C. Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ.
- D. Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thẳng lớn.

Câu 6 (0.25 điểm): Đoạn trích trên tác giả đã giới thiệu Trần Quốc Tuấn thời còn nhỏ với lời tiên đoán của thầy tướng là:

- A. đọc rộng các sách, có tài văn võ.
- B. ngày sau có thể giúp nước cứu đời.
- C. dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người.
- D. khéo tiên cử người tài giỏi cho đất nước.

Câu 7 (0.25 điểm): Nghĩa của biệt ngữ xã hội từ **phao** là:

- A. tài liệu để chép trong giờ kiểm tra, thi cử.
- B. dùng để đi bơi ở ao, hồ, sông, suối, biển.
- C. dùng cho học sinh tập bơi.
- D. tài liệu để trong túi đi kiểm tra hoặc đi thi cử.

Câu 8 (0.25 điểm): Ý nghĩa của từ tượng hình **lênh bênh** là:

- A. nhẹ nhàng, êm ái như nhưng khúc nhạc du dương.
- B. chỉ trạng thái lên xuống, lúc cao lúc thấp, lúc nhanh lúc chậm.
- C. chỉ trạng thái trôi nổi nhẹ nhàng, thuận theo chiều gió.
- D. chỉ trạng thái trôi nổi, lúc nhanh lúc chậm.

Câu 9 (0.25 điểm): Từ tượng thanh **xào xạc** có ý nghĩa là:

- A. mô phỏng tiếng lá cây chạm nhẹ vào nhau.
- B. mô phỏng tiếng lá cây lay động mạnh mẽ, rung chuyển.
- C. tiếng lá cây lay động va chạm nhẹ vào nhau.
- D. mô phỏng tiếng như tiếng lá cây lay động va chạm nhẹ vào nhau.

Câu 10 (0.25 điểm): Nghĩa của từ Hán Việt **bệ hạ** là:

- A. tiếng tôn xưng vua, dân không được trực tiếp tâu với vua mà phải nhờ vị cận thần.
- B. tiếng tôn xưng vua, được vào trực tiếp tâu với vua.
- C. tiếng tôn xưng vua hoặc là những vị cận thần trong triều đình.
- D. tiếng tôn xưng vua hoặc là những tên thái giám.

Câu 11 (0.25 điểm): Câu nói của Trần Quốc Tuấn: *[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng*. Thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc sâu sắc, quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước của Trần Quốc Tuấn.
- B. Thể hiện tinh thần yêu nước và lòng tự tôn dân tộc.
- C. Thể hiện tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc sâu sắc.
- D. Thể hiện tinh thần yêu nước, quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước.

Câu 12 (0.25 điểm): Nhận xét nào sau đây không đúng với Trần Quốc Tuấn?

- A. Là một vị tướng anh hùng, đầy tài năng mưu lược.

- B. Là một người trung quân ái quốc.
 C. Là vị tướng được nhân dân cảm phục và ngưỡng mộ.

D. Là một vị vua đặt tình nhà trên nợ nước.

Câu 13 (1.0 điểm): Từ đoạn văn trên, theo em tác giả giới thiệu Trần Quốc Tuấn trên những phương diện nào?

Câu 14 (1.0 điểm): Em có nhận xét như thế nào khi tác giả sử dụng yếu tố huyền bí, kì ảo trong đoạn trích?

II. Viết văn (5.0 điểm): Viết bài văn phân tích bài thơ *Cảnh khuya* của Hồ Chí Minh.

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
 Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
 Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
 Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.377)

----- HẾT -----

5. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
 TỔ NGỮ VĂN, LS&ĐL, GDCD

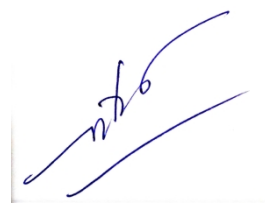
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
 NĂM HỌC 2024 - 2025
 MÔN: NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5.0
	1	B	0.25
	2	A	0.25
	3	C	0.25
	4	A	0.25
	5	D	0.25
	6	B	0.25
	7	A	0.25
	8	C	0.25
	9	D	0.25
	10	A	0.25
	11	A	0.25
	12	D	0.25
13	Trần Quốc Tuấn được giới thiệu trên hai phương diện: - Trần Quốc Tuấn thời còn nhỏ với lời tiên đoán của thầy tướng và những nét khái quát nhất về tuổi thơ của ông. - Khi Trần Quốc Tuấn trưởng thành, ông được miêu tả là một con người quyết đoán, có tấm lòng yêu nước sâu sắc, đánh giặc lập công hiếm có, tiếng vang khắp nơi.	1.0	

	<p>14 Trong đoạn trích có sử dụng yếu tố huyền bí, kì ảo là: <i>Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn</i> vừa thể hiện đặc điểm của văn học cổ với niềm tin của nhân dân vào thần thánh, vừa đề nâng cao vị thế của Trần Quốc Tuấn hiện lên mức thánh thần của dân tộc, nâng cao vẻ đẹp của nhân vật lịch sử, thể hiện lòng biết ơn của nhân dân.</p>	1.0
II	VIẾT	5.0
	<p>Viết bài văn phân tích bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Hồ Chí Minh. Tiếng suối trong như tiếng hát xa, Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa. Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ, Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà. (<i>Hồ Chí Minh toàn tập</i>, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.377)</p>	
	<p>1. Đảm bảo cấu trúc bài văn phân tích một tác phẩm văn học.</p>	0.25
	<p>2. Xác định đúng yêu cầu của đề bài.</p>	0.25
	<p>3. Yêu cầu - Phân tích được nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Hồ Chí Minh. - Bài viết có bố cục rõ ràng 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</p>	
	<p>4. Nội dung</p>	4.0
	<p>a. Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ <i>Cảnh khuya</i>.</p>	0.5
	<p>b. Thân bài - Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ: Bức tranh thiên nhiên êm đềm, thơ mộng nơi núi rừng Việt Bắc (chú ý âm thanh, hình ảnh,...) và hình tượng con người thao thức với niềm trăn trở, nỗi âu lo dân, nước,... Qua đó, khái quát được chủ đề của bài thơ (thể hiện tình yêu thiên nhiên, nhiệt huyết cứu nước,...).</p>	1.5
	<p>- Phân tích một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ...</p>	1.5
	<p>c. Kết bài: Nêu ý nghĩa của bài thơ (thể hiện vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước,...).</p>	0.5
<p>5. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0.25	
<p>6. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</p>	0.25	
<p>Lưu ý: Trên đây là những gợi ý để chấm bài cho học sinh. Giáo viên cần khuyến khích sự sáng tạo và cách trình bày khác của học sinh khi thấy hợp lý và lô gic.</p>		
TỔNG ĐIỂM	10.0	

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN



Đào Văn Dũng

Nguyễn Thị Chúc